

Số: /2016/TT-NHNN Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Đ T H O 2

THÔNG TƯ

**Quy định hoạt động bảo thanh toán
của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống nhất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định hoạt động bảo thanh toán của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định hoạt động bảo thanh toán của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

2. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia hoạt động bảo thanh toán với ngân hàng nước ngoài và không ngừng tiến hành theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật và tập quán thương mại quốc tế do Phòng thương mại quốc tế ban hành, tập quán thương mại khác không trái với pháp luật của Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng thương mại, công ty tài chính thương mại và công ty tài chính bảo thanh toán.

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Khách hàng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Các cá nhân khác liên quan đến hoạt động bảo thanh toán của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông t này, các t ng d i ây c hi u nh sau ây:

1. *Bao thanh toán* là hình th c c p tín d ng cho bên bán hàng ho c bên mua hàng thông qua vi c mua l i có b o l u quy n truy òi các kho n ph i thu ho c các kho n ph i tr phát sinh t vi c mua, bán hàng hoá, cung ng d ch v theo h p ng mua, bán hàng hoá, cung ng d ch v .

2. *n v bao thanh toán* là t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài c Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam (sau ây g i là Ngân hàng Nhà n c) c p Gi y phép thành l p và ho t ng, trong ó có n i dung v ho t ng bao thanh toán.

3. *Khách hàng c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài* (sau ây g i t là *khách hàng*) là t ch c kinh t c bao thanh toán, bao g m bên bán hàng ho c bên mua hàng.

4. *Bên bán hàng* (bao g m c *bên xu t kh u*) là t ch c kinh t bán hàng hóa, cung ng d ch v và có quy n l i h p pháp i v i các kho n ph i thu theo th a thu n t i h p ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v .

5. *Bên mua hàng* (bao g m c *bên nh p kh u*) là t ch c kinh t mua hàng hóa, s d ng d ch v và có ngh a v i v i các kho n ph i tr theo th a thu n t i h p ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v .

6. *H p ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v* là v n b n tho thu n gi a bên bán hàng và bên mua hàng v vi c mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v theo quy nh c a pháp lu t.

7. *H p ng bao thanh toán* là v n b n th a thu n gi a n v bao thanh toán và khách hàng nh m xác l p, thay i ho c ch m d t quy n và ngh a v c a các bên v vi c bao thanh toán.

8. *B o l u quy n truy òi* là vi c n v bao thanh toán có quy n òi l i s ti n ã ng cho khách hàng và lãi, phí bao thanh toán khi bên mua hàng không hoàn thành ngh a v thanh toán khi n h n thanh toán theo th a thu n t i h p ng bao thanh toán. Tr ng h p bao thanh toán bên bán hàng trong n c ho c bao thanh toán bên xu t kh u, n v bao thanh toán th c hi n truy òi bên bán hàng khi bên mua hàng không tr c n . Tr ng h p bao thanh toán bên mua hàng trong n c và bao thanh toán bên nh p kh u, n v bao thanh toán th c hi n truy òi bên mua hàng.

9. *Ch ng t mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v* là các ch ng t liên quan n vi c giao hàng, cung ng d ch v và vi c yêu c u thanh toán c a bên bán hàng i v i bên mua hàng trên c s h p ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v .

10. *Kho n ph i thu* là s ti n mà bên bán hàng có quy n nh n c t bên mua hàng theo th a thu n t i h p ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v .

11. *Kho n ph i tr* là s ti n mà bên mua hàng có ngh a v tr cho bên bán hàng theo th a thu n t i h p ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v .

12. *Thời hạn bao thanh toán* là khoảng thời gian tính từ ngày tiếp theo liên kế ngày nhận và bao thanh toán bắt đầu tính cho đến ngày khách hàng phải thanh toán toàn bộ số tiền theo quy định thời hạn pháp định bao thanh toán.

13. *Đơn giá quá hạn thanh toán* là số tiền lãi mà khách hàng không trả đúng hạn theo thỏa thuận về hạn và bao thanh toán và không có hạn và bao thanh toán chấp thuận về điều kiện thời hạn bao thanh toán.

14. *Ngũ cốc trừ, ngũ cốc không trừ* xác định theo quy định của pháp luật về quản lý ngũ cốc.

Điều 4. Trường hợp không có bao thanh toán, hạn chế bao thanh toán và trách nhiệm ghi hạn bao thanh toán

1. Hạn và bao thanh toán trách nhiệm bao thanh toán phải tuân thủ các quy định tại Điều 126, Điều 127, Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng và hàng tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về trường hợp không có chấp tín dụng, hạn chế chấp tín dụng, ghi hạn chấp tín dụng.

2. Hạn và bao thanh toán không có bao thanh toán về hạn và hạn phải thu, hạn phải trả sau đây:

a) Phát sinh thời hạn mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ pháp luật có tranh chấp;

b) Phát sinh thời hạn mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ có thời hạn thanh toán còn lại dài hạn 180 ngày;

c) Phát sinh thời hạn mua, bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ có tho thu không có chuyển giao quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng;

d) Phát sinh thời hạn mua, bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng theo quy định của Thủ tục Chính phủ Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;

e) Các hạn và bao thanh toán hoặc các số dư mà bỏ cho nghĩa vụ khác;

f) Các hạn và bao thanh toán theo hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Điều 5. Quy định về hạn và bao thanh toán

1. Hạn và bao thanh toán phải ban hành quy định về hạn và bao thanh toán phù hợp với quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Quy định về hạn và bao thanh toán các trách nhiệm thanh toán trong toàn hệ thống của hạn và bao thanh toán và phải bao gồm tất cả nội dung sau đây:

a) Các quy định về hạn và bao thanh toán, số dư, kiểm soát và xử lý hạn và bao thanh toán; các hạn chế, ghi hạn và bao thanh toán; nguyên tắc nhận biết khách hàng mà bỏ nghĩa vụ hạn và bao thanh toán bằng mặt cho các mục đích ra tiền, tài trợ khác và tất cả các khác; trường hợp

h p không c bao thanh toán, h n ch bao thanh toán và th c hi n gi i h n bao thanh toán; ph ng th c bao thanh toán; lãi su t, phí bao thanh toán và ph ng pháp tính lãi bao thanh toán; thu n , c c u l i th i h n tr n , chuy n n quá h n;

b) Các bi n pháp qu n lý r i ro trong tr ng h p không thông báo v h p ng bao thanh toán cho bên liên quan; có thông báo nh ng bên liên quan không có v n b n cam k t th c hi n theo h ng d n t i v n b n thông báo; không s d ng b n g c h p ng, ch ng t mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v ;

c) H ng d n v trình t , th t c, h s bao thanh toán và các tài li u c a khách hàng gi n v bao thanh toán; quy trình th m nh, phê duy t, quy t nh bao thanh toán, ki m tra, giám sát quá trình bao thanh toán và tr n khách hàng; phân c p, y quy n, ch c n ng, nhi m v , trách nhi m c a t ng cá nhân, b ph n trong vi c th m nh, phê duy t, quy t nh bao thanh toán, ki m tra, giám sát quá trình bao thanh toán và tr n khách hàng;

d) Bi n pháp b o m, th m nh và qu n lý tài s n b o m;

) Ch m d t bao thanh toán, x lý n ; mi n, gi m lãi su t, phí.

3. Trong th i h n 10 ngày làm vi c k t ngày ban hành, s a i, b sung ho c thay th quy nh n i b v ho t ng bao thanh toán quy nh t i kho n 1, 2 i u này, n v bao thanh toán ph i gi quy nh n i b cho Ngân hàng Nhà n c (C quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) thanh tra, giám sát.

Ch ng II

QUY NH C TH

i u 6. Lo i hình bao thanh toán

1. Bao thanh toán trong n c là vi c bao thanh toán d a trên h p ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v , trong ó bên bán hàng và bên mua hàng là ng i c trú, bao g m:

a) Bao thanh toán bên bán hàng trong n c: n v bao thanh toán và bên bán hàng ký h p ng bao thanh toán i v i m t ho c m t s kho n ph i thu c a bên bán hàng;

b) Bao thanh toán bên mua hàng trong n c: n v bao thanh toán và bên mua hàng ký h p ng bao thanh toán i v i m t ho c m t s kho n ph i tr c a bên mua hàng.

2. Bao thanh toán qu c t là vi c bao thanh toán d a trên h p ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v gi a bên xu t kh u và bên nh p kh u, trong ó m t bên là ng i c trú, m t bên là ng i không c trú bao g m:

a) Bao thanh toán bên xu t kh u: n v bao thanh toán và bên xu t kh u ký h p ng bao thanh toán i v i m t ho c m t s kho n ph i thu c a bên xu t kh u;

b) Bao thanh toán bên nh p kh u: n v bao thanh toán và bên nh p kh u ký h p ng bao thanh toán i v i m t ho c m t s kho n ph i tr c a bên nh p kh u.

i u 7. Ph ng th c bao thanh toán

1. Bao thanh toán t ng l n: M i l n bao thanh toán, n v bao thanh toán và khách hàng ký k t v n b n th a thu n v vi c bao thanh toán.

2. Bao thanh toán theo h n m c: n v bao thanh toán và khách hàng tho thu n và xác nh s t i n ng t i a duy trì trong m t kho ng th i gian nh t nh t i h p ng bao thanh toán.

3. Bao thanh toán h p v n: Hai hay nhi u n v bao thanh toán cùng th c hi n bao thanh toán i v i m t ho c m t s kho n ph i thu ho c kho n ph i tr c a khách hàng, trong ó m t n v bao thanh toán làm u m i th c hi n vi c t ch c bao thanh toán h p v n.

i u 8. Yêu c u th c hi n bao thanh toán

1. Bao thanh toán ph i l p thành h p ng b ng v n b n phù h p v i quy nh t i Thông t này và các quy nh c a pháp lu t khác có liên quan.

2. n v bao thanh toán ch c bao thanh toán i v i khách hàng là ng i c trú và không c ng t i n v t quá giá tr kho n ph i thu, kho n ph i tr .

3. n v bao thanh toán ph i yêu c u khách hàng cung c p tài li u liên quan n kho n ph i thu, kho n ph i tr , kh n ng tài chính, tình hình ho t ng và bi n pháp b o m t i n vay (n u có) tr c khi quy t nh bao thanh toán.

4. n v bao thanh toán và khách hàng ph i th a thu n v vi c g i v n b n thông báo v h p ng bao thanh toán cho các bên liên quan t i h p ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v (tr quy nh t i kho n 6 i u này) các bên liên quan xem xét, cam k t th c hi n h ng d n t i v n b n thông báo. Tr ng h p bên liên quan không có v n b n cam k t th c hi n h ng d n t i v n b n thông báo, n v bao thanh toán ch c th c hi n bao thanh toán bên bán hàng trong n c i v i khách hàng áp ng y các i u ki n quy nh t i t i t a, b kho n 6 i u này.

5. V n b n thông báo quy nh t i kho n 4 i u này bao g m n i dung chuy n giao quy n, ngh a v i v i kho n ph i thu, kho n ph i tr và ngh bên liên quan cam k t th c hi n m t s n i dung theo h ng d n phù h p v i lo i hình bao thanh toán.

6. n v bao thanh toán và khách hàng c th a thu n v vi c không thông báo cho các bên liên quan trong ho t ng bao thanh toán bên bán hàng trong n c khi áp ng y các i u ki n sau ây:

a) n v bao thanh toán ánh giá khách hàng có y n ng l c tài chính, kh n ng tr n và không có n x u t i các t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài t i th i i m ký h p ng bao thanh toán;

b) n v bao thanh toán ki m soát c vi c bên mua hàng thanh toán kho n ph i tr cho bên bán hàng.

7. i v i bao thanh toán bên xu t kh u, n v bao thanh toán ch c th c hi n bao thanh toán thông qua n v bao thanh toán qu c gia có bên nh p kh u đ a trên c s th a thu n v vi c th c hi n ho t ng bao thanh toán phù h p thông l qu c t ho c theo khuôn kh quy nh chung c a m t hi p h i bao thanh toán qu c t và phù h p v i quy nh pháp lu t c a Vi t Nam, trong ó có quy nh v quy n, trách nhi m c a các bên, bi n pháp ki m soát r i ro và c ch x lý tranh ch p. n v bao thanh toán c l a ch n chi nhánh ho c ngân hàng m t i qu c gia có bên nh p kh u làm n v cùng tham gia bao thanh toán.

8. n v bao thanh toán th c hi n ng ti n sau khi nh n c y b n g c h p ng, ch ng t mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v , tr tr ng h p quy nh t i kho n 9 i u này.

9. n v bao thanh toán c s đ ng b n sao có công ch ng h p ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v , b n sao (có ho c không có công ch ng) ho c b ng kê ch ng t mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v ng ti n sau khi ã th a thu n c các bi n pháp t i h p ng bao thanh toán m b o:

a) Tính chính xác, trung th c, y c a b ng kê ho c b n sao không có ch ng th c so v i b n g c c a ch ng t mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v ;

b) Khách hàng và các bên liên quan không s đ ng b n g c ho c b n sao có ch ng th c cho m c ích tài tr khác mà không có s ng ý c a n v bao thanh toán.

10. Vi c bao thanh toán h p v n th c hi n theo quy nh t i Thông t này, quy nh c a Ngân hàng Nhà n c v c p t n đ ng h p v n i v i khách hàng và quy nh c a pháp lu t có liên quan.

i u 9. H p ng bao thanh toán

1. H p ng bao thanh toán ph i phù h p v i quy nh t i Thông t này và các quy nh c a pháp lu t khác có liên quan, trong ó bao g m các n i dung sau ây:

a) Tên, a ch , i n tho i, th i n t , fax, mã s thu c a các bên ký h p ng bao thanh toán;

b) Giá tr các kho n ph i thu ho c kho n ph i tr ng h p bao thanh toán, quy n và l ích c a các bên liên quan n kho n ph i thu ho c kho n ph i tr theo h p ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v ;

c) Lãi và phí bao thanh toán;

d) S ti n bao thanh toán, th i i m và ph ng th c thanh toán;

) Th a thu n v trách nhi m g i thông báo, các i u ki n, bi n pháp m b o quy nh t i kho n 6, 9 i u 8 Thông t này i v i tr ng h p không thông báo v h p ng bao thanh toán cho các bên liên quan; tr ng h p bên

liên quan không có v n b n cam k t th c hi n theo h ã ng d n t i v n b n thông báo và tr ã ng h p không s ã d ng b n g c h p ã ng, ch ã ng t mua, bán hàng hóa, cung ã ng d ch v ;

e) Quy ã nh trách nhi m c a khách hàng trong vi c thanh toán kho n ph i thu, kho n ph i tr ; quy ã nh v vi c truy ã òi l i s t i n bao thanh toán c a ã n v bao thanh toán; trách nhi m chuy ã n giao tài s n b o ã m ã n v bao thanh toán x lý thu h i kho n ph i thu, kho n ph i tr trong tr ã ng h p bên mua hàng không thanh toán c kho n ph i thu, kho n ph i tr khi ã n h n thanh toán theo th a thu n t i h p ã ng bao thanh toán và ã n v bao thanh toán không th c hi n c quy ã n truy ã òi;

g) Th i h ã n bao thanh toán;

h) Quy ã n và ngh a v c a các bên;

i) Ph ã ng th c chuy ã n giao h p ã ng mua, bán hàng hóa, cung ã ng d ch v , ch ã ng t bán hàng, quy ã n, l i ích và các gi y t liên quan ã n kho n ph i thu ho c kho n ph i tr c bao thanh toán;

k) Quy ã nh v vi c c c u l i th i h n tr ã n (n u có);

l) Ch ã m d t h p ã ng tr c h ã n;

m) X lý tranh ch p.

2. ã n v bao thanh toán và khách hàng có th ã tho ã thu n các n i dung khác phù h p v i quy ã nh c a pháp lu t và t p quán qu c t v ho t ã ng bao thanh toán.

3. Vi c s a ã i, b ã sung, ch ã m d t h p ã ng bao thanh toán do các bên th a thu n và phù h p v i quy ã nh c a pháp lu t và Thông t ã này.

i u 10. ã ng t i n trong ho t ã ng bao thanh toán

ã n v bao thanh toán th c hi n bao thanh toán b ã ng ã ng Vi t Nam. ã n v bao thanh toán c th c hi n bao thanh toán b ã ng ngo i t trong tr ã ng h p khách hàng là i t ã ng c vay ngo i t theo quy ã nh c a pháp lu t v cho vay b ã ng ngo i t .

i u 11. Lãi và phí bao thanh toán

1. Lãi và phí bao thanh toán do các bên tho ã thu n t i h p ã ng bao thanh toán và phù h p v i quy ã nh c a pháp lu t. M c lãi su t bao thanh toán c tính theo t l %/n m và ph i c ghi trong h p ã ng bao thanh toán.

2. Khi ã n h ã n thanh toán mà khách hàng không tr ã ho c tr không ã y ã ã g c và/ho c lãi theo th a thu n c a ã n v bao thanh toán và khách hàng trong h p ã ng bao thanh toán, thì khách hàng ph i tr lãi nh ã sau:

a) Lãi su t áp d ã ng trên s t i n ã n v bao thanh toán ã ã ng cho khách hàng quá h ã n do ã n v bao thanh toán th a thu n v i khách hàng trong h p ã ng bao thanh toán nh ã ng không v t quá 150% lãi su t bao thanh toán trong h ã n;

b) Trường hợp khách hàng không trả lãi ứng hiện hoặc trả không đầy thì khách hàng còn phải trả lãi suất theo thỏa thuận thì phải thanh toán và phù hợp với quy định của pháp luật về vốn lãi chi trả trong thời gian chi trả.

3. Nội vụ thanh toán phải thông tin trung thực, chính xác cho khách hàng về phí, lãi suất áp dụng khách hàng xem xét, quyết định về ký kết hợp đồng thanh toán.

Điều 12. Các điều kiện

1. Nội vụ thanh toán xem xét quyết định về các điều kiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 điều này trên cơ sở thỏa thuận với khách hàng, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng và khả năng tài chính của nội vụ thanh toán.

2. Trường hợp khách hàng không có khả năng trả nợ gốc và/hoặc lãi ứng kể hiện trong phạm vi thời hạn thanh toán đã thỏa thuận và nội vụ thanh toán đánh giá là có khả năng trả nợ gốc và/hoặc lãi theo kế hoạch thì nội vụ thanh toán xem xét điều kiện khả năng trả nợ gốc và/hoặc lãi phù hợp với quy định của khách hàng;

3. Trường hợp khách hàng không có khả năng trả nợ gốc và/hoặc lãi thanh toán ứng thời hạn đã thỏa thuận và nội vụ thanh toán đánh giá là có khả năng trả nợ gốc và/hoặc lãi trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn thanh toán, thì nội vụ thanh toán xem xét giá trị nội vụ phù hợp với quy định của khách hàng.

4. Về các điều kiện trả nợ thực hiện trong ngày cuối cùng của kế hoạch, thời hạn thanh toán.

Điều 13. Nguyên tắc

1. Số tiền nội vụ thanh toán đã ứng cho khách hàng có mặt phần hoặc toàn bộ gốc và/hoặc lãi không trả ứng hiện và không nội vụ thanh toán chấp thuận các điều kiện, thì nội vụ thanh toán thực hiện chuyển toàn bộ số tiền nội vụ thanh toán đã ứng cho khách hàng sang nguyên tắc.

2. Nội vụ thanh toán phải thông báo cho khách hàng về thời điểm chuyển nguyên tắc, lãi suất áp dụng về lãi gốc quá hạn thực tế và lãi suất áp dụng về vốn lãi chi trả.

Điều 14. Bộ mô hình tổ chức thanh toán

Nội vụ thanh toán và khách hàng thỏa thuận áp dụng hoặc không áp dụng các biện pháp bảo đảm cho hoạt động thanh toán theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và pháp luật có liên quan, bao gồm về việc ký giao dịch bảo đảm về vốn phải thu. Trường hợp áp dụng biện pháp bảo đảm thì nội vụ thanh toán phải yêu cầu khách hàng cung cấp các tài liệu chứng minh về áp dụng biện pháp bảo đảm thực tế khi quyết định thanh toán.

đ i u 15. Ho t ng bao thanh toán b ng ph ng ti n i n t

1. n v bao thanh toán th c hi n ho t ng bao thanh toán b ng ph ng ti n i n t theo quy nh c a pháp lu t v giao d ch i n t trong ho t ng ngân hàng.

2. n v bao thanh toán ph i g i h s v h th ng công ngh thông tin ph c v cho ho t ng bao thanh toán b ng ph ng ti n i n t (g m mô hình thi t k ch ng trình ng d ng, h t ng công ngh và các gi i pháp m b o an toàn h th ng công ngh thông tin) v Ngân hàng Nhà n c (C c Công ngh tin h c) t i thi u 10 ngày làm vi c tr c khi th c hi n ho t ng bao thanh toán b ng ph ng ti n i n t .

3. Khách hàng s d ng ho t ng bao thanh toán b ng ph ng ti n i n t ph i tuân th các i u ki n, h ng đ n c a n v bao thanh toán trong giao d ch i n t .

đ i u 16. Phân lo i, trích l p đ phòng r i ro và s đ ng đ phòng x lý r i ro i v i ho t ng bao thanh toán

n v bao thanh toán th c hi n vi c phân lo i, trích l p đ phòng, s đ ng đ phòng x lý r i ro i v i ho t ng bao thanh toán theo quy nh c a Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam v phân lo i tài s n có, m c trích, ph ng pháp trích l p đ phòng r i ro và vi c s đ ng đ phòng x lý r i ro trong ho t ng c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài.

đ i u 17. H ch toán k toán, th ng kê và báo cáo

n v bao thanh toán th c hi n vi c h ch toán k toán, báo cáo th ng kê i v i ho t ng bao thanh toán theo quy nh c a pháp lu t hi n hành v ch h ch toán k toán và báo cáo th ng kê c a Ngân hàng Nhà n c áp đ ng i v i t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài.

đ i u 18. Quy n và ngh a v c a n v bao thanh toán

1. Quy n c a n v bao thanh toán:

a) Yêu c u khách hàng cung c p tài li u liên quan n kho n ph i thu, kho n ph i tr , kh n ng tài chính, tình hình ho t ng;

b) Yêu c u khách hàng cung c p y h p ng, ch ng t mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v ; quy n l i, ngh a v và các gi y t liên quan n kho n ph i thu, kho n ph i tr c bao thanh toán;

c) Yêu c u khách hàng thanh toán s ti n th a thu n t i h p ng bao thanh toán;

d) Th c hi n quy n l i và ngh a v khác c a khách hàng t i h p ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v ;

) Chuy n quy n òi n , tr tr ng h p các bên trong h p ng bao thanh toán có tho thu n không c chuy n giao quy n òi n .

2. Ngh a v c a n v bao thanh toán:

a) Thanh toán y , ứng h n cho khách hàng ho c bên liên quan theo tho thu n t i h p ng bao thanh toán;

b) Th c hi n úng và y các i u kho n ã tho thu n trong h p ng bao thanh toán.

i u 19. Quy n và ngh a v c a bên bán hàng

1. Quy n c a bên bán hàng: Nh n ti n bao thanh toán t n v bao thanh toán.

2. Ngh a v c a bên bán hàng:

a) Cung c p y , chính xác và trung th c thông tin, tài li u và báo cáo theo yêu c u c a n v bao thanh toán;

b) Chuy n giao y và ứng h n h p ng, ch ng t mua, bán hàng hoá, cung ng d ch v cho n v bao thanh toán theo th a thu n;

c) Th c hi n úng và y các i u kho n ã tho thu n trong h p ng mua, bán hàng hóa, cung ng d ch v và h p ng bao thanh toán.

i u 20. Quy n và ngh a v c a bên mua hàng

1. Quy n c a bên mua hàng: Nh n thông báo v vi c bao thanh toán (tr tr ng h p bên bán hàng và n v bao thanh toán th a thu n v không thông báo).

2. Ngh a v c a bên mua hàng:

a) Cung c p y , chính xác và trung th c thông tin, tài li u và báo cáo theo yêu c u c a n v bao thanh toán;

b) Chuy n giao y và ứng h n cho n v bao thanh toán h p ng, ch ng t mua, bán hàng hoá, cung ng d ch v theo th a thu n t i h p ng bao thanh toán;

c) Thanh toán y và ứng h n cho n v bao thanh toán theo th a thu n.

Ch ng III

TRÁCH NHI M C A CÁC N V THU C NGÂN HÀNG NHÀ N C

i u 21. Trách nhi m c a các n v thu c Ngân hàng Nhà n c

1. C quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhi m ch trì, ph i h p v i các n v có liên quan th c hi n ki m tra, thanh tra, giám sát, x lý vi ph m theo quy nh c a pháp lu t i v i ho t ng bao thanh toán c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài.

2. Ngân hàng Nhà n c chi nhánh t nh, thành ph tr c thu c Trung ng n i không có C c Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhi m ki m tra, thanh tra, giám sát, x lý vi ph m theo quy nh c a pháp lu t i v i ho t ng bao thanh toán c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài.

Chương IV

I U KHO N THI HÀNH

i u 22. i u kho n chuy n ti p

1. i v i các h p ng bao thanh toán c ký k t tr c ngày Thông t này có hi u l c thi hành và phù h p v i quy nh c a pháp lu t t i th i i m ký k t, n v bao thanh toán và khách hàng c ti p t c th c hi n theo các th a thu n ã ký k t cho n h t th i h n h p ng.

2. Vi c s a i, b sung, gia h n h p ng quy nh t i kho n l i u này ch c th c hi n n u n i dung s a i, b sung, gia h n phù h p v i các quy nh c a Thông t này và các quy nh c a pháp lu t có liên quan.

i u 23. Hi u l c thi hành

1. Thông t này có hi u l c thi hành k t ngày ... tháng ... n m ...

2. Các v n b n, quy nh sau ây h t hi u l c thi hành:

a) Quy t nh s 1096/2004/Q -NHNN ngày 06/9/2004 c a Th ng c Ngân hàng Nhà n c ban hành quy ch ho t ng bao thanh toán c a t ch c tín d ng;

b) Quy t nh s 30/2008/Q -NHNN ngày 16/10/2008 c a Th ng c Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam s a i, b sung m t s i u c a quy ch ho t ng bao thanh toán c a t ch c tín d ng ban hành theo Quy t nh s 1096/2004/Q -NHNN ngày 06/9/2004 c a Th ng c Ngân hàng Nhà n c;

c) i u 8 Thông t s 24/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 v vi c th c thi ph ng án n gi n hóa th t c hành chính l nh v c thành l p và ho t ng ngân hàng theo các Ngh quy t c a Chính ph v n gi n hóa th t c hành chính thu c ph m vi ch c n ng qu n lý c a Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam;

d) Công v n s 676/NHNN-CSTT ngày 28/6/2005 v vi c c c u l i th i h n tr n , chuy n n quá h n i v i ho t ng bao thanh toán c a t ch c tín d ng;

e) V n b n s 991/NHNN-TTGSNH ngày 19/02/2013 h ng d n các t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài th c hi n ho t ng bao thanh toán quy nh t i Quy ch ho t ng bao thanh toán ban hành kèm theo Quy t nh s 1096/2004/Q -NHNN ngày 06/9/2004 c a Th ng c Ngân hàng Nhà n c;

f) i u 2 và kho n 2 i u 3 Thông t s 14/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 v vi c s a i, b sung m t s i u c a Quy t nh s 1096/2004/Q -NHNN ngày 06 tháng 9 n m 2004 ban hành quy ch ho t ng bao thanh toán c a các t ch c tín d ng, Quy t nh s 30/2008/Q -NHNN ngày 16 tháng 10 n m 2008 v vi c s a i, b sung m t s i u c a Quy ch ho t ng bao thanh toán c a các t ch c tín d ng ban hành theo Quy t nh s 1096/2004/Q -NHNN và Thông t s 30/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 11 n m 2014 quy nh v y thác và nh n y thác c a t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài.

Điểm 24. Tổ chức thi

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Trưởng các
nội vụ thu của Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch
Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi
nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.

Nội dung:

- Nội dung 24;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Lưu: VP, TTGSNH5.

TH NG C